

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ chính sách Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường

Kính gửi: Chính phủ

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

I. Bối cảnh xây dựng chính sách

1. Bối cảnh quốc tế, khu vực có liên quan đến các chính sách

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đo lường đang được nhiều quốc gia và khu vực xác định là một trụ cột quan trọng của Hạ tầng Chất lượng Quốc gia (NQI), có vai trò nền tảng trong nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo đảm cạnh tranh công bằng, bảo vệ người tiêu dùng và tạo niềm tin thị trường. Trước sự phát triển nhanh của khoa học – công nghệ, đặc biệt là các hệ thống đo thông minh, đo lường dựa trên phần mềm, dữ liệu và kết nối thời gian thực làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức và quản lý hoạt động đo lường, nhiều quốc gia (như Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Đức, Úc, Hàn Quốc) đã kịp thời sửa đổi, bổ sung pháp luật về đo lường nhằm đáp ứng yêu cầu mới của quản lý, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Liên minh châu Âu

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, Liên minh châu Âu (EU) đã có nhiều điều chỉnh quan trọng trong cách tiếp cận pháp luật về đo lường nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch của phép đo, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hội nhập thị trường và phát triển kinh tế số. Tại Liên minh châu Âu (EU), pháp luật đo lường được định hướng theo mô hình “hướng tới tương lai” (future-proof), gắn chặt với chiến lược thị trường số và đổi mới sáng tạo. EU chú trọng xây dựng hạ tầng đo lường số hóa, tiêu biểu là sáng kiến European Metrology Cloud, cho phép số hóa dữ liệu đo, chứng nhận điện tử, truy xuất nguồn gốc và giám sát từ xa. Thông qua các hướng dẫn của WELMEC, EU từng bước tích hợp các yêu cầu pháp lý đối với phần mềm đo, an ninh dữ liệu và tính toàn vẹn của kết quả đo, qua đó mở rộng phạm vi pháp luật đo lường sang các hệ thống đo dựa trên phần mềm và nền tảng số, đồng thời thúc đẩy công nhận lẫn nhau trong thị trường chung.

Hoa Kỳ

Hoa Kỳ tổ chức hệ thống đo lường pháp định theo mô hình phân quyền, trong đó Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia (National Institute of Standards and Technology - NIST) cung cấp chuẩn đo lường và hướng dẫn kỹ thuật, còn Hội đồng Quốc gia về Cân Đo (National Council on Weights and Measures – NCWM) và các bang thực hiện phê duyệt kiểu và kiểm tra thị trường. Trong bối cảnh Công nghiệp 4.0, Hoa Kỳ hướng tới số hóa toàn diện đo lường pháp định, phát triển hạ tầng dữ liệu đo lường và tích hợp IoT, phần mềm và hệ thống thông minh vào hoạt động phê duyệt kiểu và kiểm định.

Pháp luật đo lường của Hoa Kỳ được mở rộng để bao quát cả phần mềm và dịch vụ số, đồng thời nhấn mạnh các yêu cầu về an ninh dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và minh bạch kết quả đo, qua đó bảo đảm niềm tin thị trường và khả năng vận hành của các mô hình kinh doanh số.

Nhật Bản

Nhật Bản ban hành **Luật Đo lường (Measurement Act)** với mục tiêu thiết lập các tiêu chuẩn đo lường và bảo đảm việc thực hiện phép đo chính xác, qua đó góp phần phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng xã hội. Mục tiêu này được xác định rõ trong Luật: *“The purpose of this Act is to establish standards of measurement and ensure execution of appropriate measurement, and thereby to contribute to economic development and cultural enhancement.”*

Pháp luật đo lường tại Nhật chú trọng chuẩn hóa, phê duyệt kiểu và truy nguyên hiệu chuẩn thông qua hệ thống JCSS (**Japan Calibration Service System - Hệ thống Dịch vụ Hiệu chuẩn Nhật Bản**), bảo đảm độ chính xác trong thương mại. Mặc dù chưa có quy định riêng về đo lường số, khung pháp lý đủ linh hoạt để tích hợp công nghệ cao và hài hòa quốc tế.

Trung Quốc

Trung Quốc ban hành **Luật Đo lường của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa** với vai trò là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động đo lường, nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống đơn vị đo, độ chính xác và độ tin cậy của giá trị đo, phục vụ phát triển sản xuất, thương mại, khoa học - công nghệ và hiện đại hóa xã hội. Luật Đo lường được xây dựng theo mô hình quản lý tập trung, Nhà nước kiểm soát chặt chẽ phương tiện đo và hệ chuẩn quốc gia. Trung Quốc đi đầu trong số hóa hoạt động đo lường, triển khai chứng chỉ hiệu chuẩn điện tử và cơ sở dữ liệu đo lường quốc gia.

Cộng hòa Liên bang Đức

Cộng hòa Liên bang Đức xây dựng hệ thống đo lường pháp định trên cơ sở **Units and Time Act (Luật Đơn vị và Thời gian)** và **Measures and Verification Act (Luật Đo lường và Kiểm định)** cùng các nghị định thi hành, nhằm quản lý

toàn diện hoạt động đo lường và gắn chặt với khuôn khổ thị trường chung châu Âu.

Pháp luật đo lường mở rộng phạm vi điều chỉnh sang **thiết bị đo thông minh, phần mềm và dữ liệu điện tử**. Đức là quốc gia tiên phong **luật hóa chứng chỉ hiệu chuẩn điện tử (DCC)** và hài hòa sâu với tiêu chuẩn OIML, WELMEC.

Úc

Luật Đo lường được cải cách theo hướng quản lý dựa trên nguyên tắc, định hướng tương lai, giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích đổi mới công nghệ. Pháp luật tạo dư địa pháp lý cho phương pháp đo mới và chuyển đổi số.

Hàn Quốc

Hàn Quốc điều chỉnh hoạt động đo lường pháp định chủ yếu thông qua **Luật về Đo lường (Measures Act)**, được sửa đổi nhiều lần (gần nhất năm 2024), nhằm thiết lập tiêu chuẩn đo lường và bảo đảm phép đo chính xác trong thương mại. Hệ thống đo lường pháp định do **Cơ quan Tiêu chuẩn và Công nghệ Hàn Quốc (KATS)** quản lý, với **Viện Nghiên cứu Tiêu chuẩn và Khoa học Hàn Quốc (KRISS)** là Viện Đo lường Quốc gia, duy trì chuẩn đo lường phù hợp với hệ SI.

Mặc dù chưa có chương riêng về đo lường số, các sửa đổi gần đây đã tạo nền tảng cho việc cập nhật quy định kỹ thuật, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu đo lường, đo thông minh và truy nguyên quốc tế, phù hợp với thông lệ của OIML và APLMF.

Trong khu vực ASEAN, các quốc gia như Singapore, Malaysia và Thái Lan tích cực hài hòa hóa pháp luật đo lường theo khuyến nghị của OIML và các khuôn khổ hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quản lý đo lường sang các lĩnh vực logistics, thương mại điện tử, môi trường và năng lượng tái tạo, phục vụ hội nhập khu vực và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Và hiện nay hầu hết các nước đều áp dụng hướng dẫn OIML D 31 vào Luật để quản lý "phần mềm đo lường". Quy định yêu cầu phần mềm phải được niêm phong số (digital seal) để ngăn chặn việc gian lận bằng cách can thiệp vào mã nguồn AI hoặc thuật toán xử lý dữ liệu.

Xu hướng chung của thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia, khu vực nêu trên cho thấy pháp luật về đo lường tại nhiều quốc gia đang được điều chỉnh theo hướng hiện đại hóa, mở rộng phạm vi điều chỉnh và tăng cường ứng dụng công nghệ số nhằm đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số. Trọng tâm chung là chuyển từ quản lý phương tiện đo truyền thống sang quản

lý toàn diện hệ thống đo lường, bao gồm thiết bị, phần mềm, dữ liệu đo và các hệ thống đo thông minh.

Các quốc gia đều đẩy mạnh số hóa hoạt động đo lường pháp định, cho phép sử dụng dữ liệu đo điện tử, chứng chỉ kiểm định và hiệu chuẩn điện tử, hiệu chuẩn số, tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc và giám sát từ xa. Phần mềm đo lường và dữ liệu đo ngày càng được coi là đối tượng quản lý pháp lý quan trọng, với các yêu cầu chặt chẽ về an ninh, tính toàn vẹn và chống can thiệp, phù hợp với các khuyến nghị của Tổ chức Đo lường Pháp định Quốc tế (OIML).

Bên cạnh đó, đo lường được xác định là một trụ cột của Hạ tầng chất lượng quốc gia, gắn với bảo vệ người tiêu dùng, bảo đảm công bằng thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Pháp luật đo lường được thiết kế theo hướng linh hoạt, dựa trên nguyên tắc, tăng khả năng thích ứng với tiến bộ khoa học – công nghệ và hài hòa với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo và hội nhập sâu rộng.

Những kinh nghiệm này là cơ sở quan trọng để đánh giá tác động và đề xuất các chính sách sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường của Việt Nam theo hướng hiện đại, khả thi và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

2. Bối cảnh trong nước (chính trị, pháp lý, kinh tế - xã hội,...) liên quan đến các chính sách.

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh yêu cầu khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (trong đó nhấn mạnh thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, chính quyền số...).

Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XIII) về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó giao nhiệm vụ rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đo lường theo hướng thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế, dựa trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chỉ một đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương; phát triển các tổ chức công nhận quốc gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quốc gia, tổ chức năng suất quốc gia để thực hiện cơ chế trọng tài phục vụ công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu và thông lệ quốc tế.

Nghị quyết 154/NQ-CP năm 2025 ngày 31/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đạt trên 8% trở lên, trong đó nhấn mạnh yêu cầu “Đẩy mạnh các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó ưu tiên triển khai mạnh mẽ hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực xử lý đơn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai ứng dụng rộng rãi các giải pháp, công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình”;

Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi,

ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, của pháp luật, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó nêu rõ mục tiêu *“Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.”*; *100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ...*”;

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị ban hành về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó yêu cầu: *“Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”*”.

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó đã đặt ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách là: *“Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật...giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế "xin - cho", tư duy "không quản được thì cấm””* và *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính... Trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo”*.

Nghị quyết số 105/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Chương trình lập pháp năm 2026. Tại khoản 2 Điều 1, quyết nghị: Trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2, Quốc

hội khóa XVI (tháng 10/2026) đối với 21 dự án luật, trong đó có dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó có nhấn mạnh đến nhiệm vụ “Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo”.

Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) được giao chủ trì soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026, thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tháng 10/2026 (tại số thứ tự 9 mục II Bản phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026).

Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, việc sửa đổi Luật Đo lường là cần thiết trong bối cảnh Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua. Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, mở ra nhiều cơ hội đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý.

Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường là yêu cầu cấp bách nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật quốc gia.

b) Cơ sở thực tiễn

Luật Đo lường số 04/2011/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2012 là văn bản pháp lý nền tảng, tạo khuôn khổ cho quản lý nhà nước về đo lường và phát triển hạ tầng đo lường quốc gia. Kể từ khi Luật Đo lường được ban hành, Luật đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm tính chính xác của phép đo, hỗ trợ quản lý thị trường, bảo vệ người tiêu dùng, nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều quốc gia đã và đang chuẩn bị sửa đổi luật đo lường hiện hành

cho phù hợp với thực tiễn, đặc biệt là những quy định về đo lường đối với quản trị quốc gia hay việc ứng dụng các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI) giúp nâng cao độ chính xác của hệ thống đo lường, giám sát chất lượng dữ liệu đo lường, quản trị quốc gia cũng như hoạt động của nền kinh tế - xã hội, hỗ trợ đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu một cách hiệu quả. Luật Đo lường năm 2011 được xây dựng trong bối cảnh mô hình quản lý chủ yếu dựa trên hồ sơ giấy, kiểm soát thủ công và trọng tâm quản lý thiên về phương tiện đo. Sau hơn 14 năm thực thi, bối cảnh đã thay đổi căn bản bởi: chuyển đổi số, kinh tế số, yêu cầu quản lý theo dữ liệu và rủi ro; yêu cầu nâng cao năng lực đo lường phục vụ công nghệ mới, kinh tế xanh; yêu cầu giảm chi phí tuân thủ và cải cách thủ tục hành chính; yêu cầu phân cấp/phân quyền phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trước yêu cầu mới của thực tiễn, Luật Đo lường đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế đáng kể cả về lĩnh vực điều chỉnh, nội dung quy định và hiệu lực thực thi, cụ thể như sau:

a) Phương thức quản lý nhà nước chưa theo kịp môi trường số: dữ liệu đo lường chưa được tổ chức thành tài sản quản lý; thiếu nền tảng/cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý vòng đời phương tiện đo và khai thác dữ liệu cho thanh tra/kiểm tra theo rủi ro.

Luật chưa có quy định về đo lường trong môi trường số, nơi dữ liệu trở thành đối tượng chính của các phép đo. Các hoạt động như đo tốc độ truyền dữ liệu, độ trễ mạng, độ tin cậy hệ thống, chỉ số an ninh mạng, hiệu suất hạ tầng số chưa được luật thừa nhận là đối tượng cần đo lường, dẫn đến khoảng trống trong kiểm soát chất lượng hệ thống số và giao dịch điện tử.

Thực tế cho thấy, trong khi Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng đô thị thông minh, chính phủ số, thương mại điện tử, ngân hàng số..., việc thiếu cơ sở pháp lý về đo lường số có thể gây sai lệch dữ liệu, giảm độ tin cậy và gia tăng rủi ro trong các quyết định quản trị.

Nguyên nhân: Luật chưa theo kịp tiến trình chuyển đổi số quốc gia, chưa cập nhật, giải quyết các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số về đo lường, đo lường số, hiệu chuẩn từ xa, chứng chỉ hiệu chuẩn số,... và chưa tiếp cận đo lường như một công cụ kiểm soát chất lượng dữ liệu và hạ tầng số.

b) Năng lực hệ thống đo lường quốc gia và năng lực đo lường của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu mới: nhu cầu đo lường trong các lĩnh vực mới (AI, IoT, năng lượng mới, kinh tế xanh, tín chỉ carbon, đối tượng đo trong không gian số...) gia tăng nhanh; cơ chế huy động nguồn lực xã hội và vai trò doanh nghiệp chưa được phát huy đầy đủ theo tinh thần “doanh nghiệp là chủ thể”.

Luật hiện chủ yếu tập trung vào đo lường vật lý, chưa thể hiện rõ về đo lường công nghiệp cho phát triển kinh tế quốc gia cũng như hoạt động của nền

kinh tế - xã hội, một số lĩnh vực đóng vai trò then chốt trong sản xuất thông minh như: công nghiệp chế biến - chế tạo; công nghệ cao; dịch vụ kỹ thuật và đời sống hàng ngày. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý khiến nhiều hoạt động đo lường thực tiễn không có cơ sở pháp lý rõ ràng để thúc đẩy phát triển, thực hiện hoặc quản lý.

Các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, đo hiệu suất pin, đo khí thải nhà kính, đo các chỉ số sức khỏe trong y tế từ xa... đều cần nền tảng đo lường chính xác, tin cậy, nhưng hiện nay chưa được luật điều chỉnh cụ thể, gây lúng túng cho cơ quan quản lý và khó khăn cho doanh nghiệp.

Nguyên nhân: Luật được xây dựng trong bối cảnh Việt Nam chưa chuyển mạnh sang mô hình kinh tế số, kinh tế xanh. Quan niệm về đo lường còn thiên về kỹ thuật truyền thống, chưa xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đa dạng và xu thế công nghệ mới.

Pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm và phương thức triển khai hệ thống đo lường nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức nơi sản sinh phần lớn các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Đa số doanh nghiệp, tổ chức chỉ quan tâm đến kiểm định phương tiện đo bắt buộc, chưa có hệ thống đảm bảo đo lường toàn diện nhằm kiểm soát chất lượng và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai đo lường theo Quyết định 996/QĐ-TTg mới dừng lại ở mức khuyến khích, tự nguyện, chưa có công cụ pháp lý đủ mạnh để thúc đẩy áp dụng rộng rãi và bền vững. Chưa đẩy mạnh vai trò của doanh nghiệp, chưa thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp như một chủ thể trong hệ thống đo lường quốc gia.

Nguyên nhân: Luật Đo lường được xây dựng trong bối cảnh kinh tế số, kinh tế xanh chưa phát triển, tư duy đo lường còn thiên về kỹ thuật truyền thống, chưa bao quát các lĩnh vực, đối tượng đo mới. Cách tiếp cận chính sách chưa coi đo lường là công cụ nền tảng cho phát triển kinh tế, năng suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo; chưa làm rõ vai trò của đo lường công nghiệp. Pháp luật chưa có quy định đầy đủ về đo lường trong môi trường số, các lĩnh vực mới và trách nhiệm xây dựng hệ thống đo lường nội bộ tại doanh nghiệp. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho đo lường còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò của doanh nghiệp như một chủ thể của hệ thống đo lường quốc gia. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chủ yếu mang tính khuyến khích, tự nguyện, chưa được luật hóa để tạo động lực áp dụng rộng rãi và bền vững.

c) Phân định thẩm quyền, thanh tra/kiểm tra và một số thủ tục còn bất cập: nguy cơ chồng chéo; quản lý còn dàn trải; một số điều kiện/ thủ tục không còn phù hợp thực tiễn, làm tăng chi phí tuân thủ (ví dụ thủ tục liên quan dấu định lượng; điều kiện tổ chức cung cấp dịch vụ).

Hiện nay, hệ thống pháp luật về bộ máy và thanh tra đã có những thay đổi mang tính cách mạng, tạo ra các yêu cầu cấp bách phải sửa đổi Luật Đo lường 2011: Sự thu hẹp của hệ thống Thanh tra: Theo Luật Thanh tra 2025, việc không còn Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở đồng nghĩa với việc cơ chế "Thanh tra chuyên ngành đo lường" theo cách cũ không còn tồn tại. Do đó, cần một cơ chế thực thi mới để đảm bảo các vi phạm về đo lường (vốn mang tính kỹ thuật sâu) vẫn được phát hiện và xử lý kịp thời.

Khoảng trống quản lý khi bỏ cấp huyện: Với việc không còn cấp chính quyền huyện và phòng chuyên môn cấp huyện, toàn bộ hoạt động kiểm tra đo lường tại các chợ, điểm bán lẻ và doanh nghiệp trên địa bàn rộng lớn sẽ dồn lên cấp tỉnh hoặc chuyển xuống cấp xã. Nếu không có quy định mới về phân quyền và phương thức kiểm tra, hệ thống quản lý sẽ bị quá tải hoặc đình trệ tại cơ sở.

Thực tế triển khai thực hiện các quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, về lượng của hàng đóng gói sẵn thời gian qua cho thấy có một số bất cập, một số quy định về điều kiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gây cản trở việc xã hội hoá hoạt động này, một số thủ tục hành chính về lượng của hàng đóng gói sẵn không còn phù hợp.

Mặt khác, theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025, ngành kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường không còn thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Nguyên nhân: Luật Đo lường năm 2011 được xây dựng trên mô hình tổ chức bộ máy và thanh tra cũ, không còn phù hợp với các thay đổi căn bản về tổ chức thanh tra theo Luật Thanh tra năm 2025, làm phát sinh khoảng trống trong cơ chế thực thi và xử lý vi phạm về đo lường. Quy định về phân định thẩm quyền quản lý, thanh tra, kiểm tra chưa được thiết kế theo mô hình chính quyền địa phương mới, đặc biệt trong bối cảnh không còn cấp huyện, dẫn đến nguy cơ chồng chéo, quá tải hoặc đình trệ trong quản lý ở cơ sở. Một số quy định về điều kiện, thủ tục trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và quản lý lượng của hàng đóng gói sẵn không còn phù hợp với thực tiễn, làm tăng chi phí tuân thủ và hạn chế xã hội hóa dịch vụ đo lường. Pháp luật chuyên ngành cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời để bảo đảm việc loại bỏ dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường ra khỏi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không xảy ra khoảng trống pháp lý.

II. Mục tiêu xây dựng chính sách

1. Mục tiêu chung

Thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, và Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

Khẳng định rõ vai trò, vị thế của hoạt động đo lường trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

Tạo lập khuôn khổ pháp lý để xử lý các điểm nghẽn thể chế, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, trong đó có hoạt động đo lường, nhằm kiến tạo các đột phá về năng suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo;

Đẩy mạnh phân công, phân cấp gắn với hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý và phát triển hoạt động đo lường phù hợp với điều kiện thực tiễn từng vùng, miền.

2. Quan điểm

Luật Đo lường (sửa đổi) được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

Thứ nhất, việc sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường nhằm bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013;

Thứ hai, kịp thời thể chế hóa chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, giải pháp của Chính phủ về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng khung pháp lý nhằm triển khai hoạt động quản lý nhà nước về đo lường, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về đo lường, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

Thứ tư, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò kiến tạo của Nhà nước; tập trung vào các chính sách thúc đẩy hoạt động đo lường phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo.

Thứ tư, bảo đảm quản lý nhà nước thông suốt, kế thừa các quy định đã thực thi ổn định, đồng thời bổ khuyết những khoảng trống pháp lý còn tồn tại. Mặt khác, bảo đảm tận dụng hiệu quả các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư mà Việt Nam là thành viên và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước.

Thứ năm, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với các luật chuyên ngành như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường lần này được thực hiện trên cơ sở đổi mới căn bản tư duy quản lý nhà nước về đo lường, phù hợp với bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và yêu cầu xây dựng nền kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển nhanh và bền vững.

Theo đó, hoạt động đo lường không chỉ là hoạt động kỹ thuật mang tính hỗ trợ, mà phải được xác định là hạ tầng tạo lập độ tin cậy và niềm tin cho nền kinh tế – xã hội, bảo đảm công bằng thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời trực tiếp hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và chất lượng.

Luật sửa đổi hướng tới chuyển dịch trọng tâm quản lý từ “phương tiện đo” sang “độ tin cậy của phép đo”, từ quản lý dựa trên kiểm soát thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu, nền tảng số và đánh giá rủi ro, trong đó doanh nghiệp được xác định là chủ thể trung tâm của hệ thống đo lường, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, xây dựng chuẩn mực, nền tảng và công cụ quản lý hiện đại.

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường tập trung vào 3 nhóm chính sách lớn như sau:

- **Chính sách 1:** Tăng cường phát triển đo lường ứng dụng công nghiệp phục vụ nhu cầu đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức nâng cao năng lực cạnh tranh.

- **Chính sách 2:** Bổ sung cơ sở pháp lý phục vụ nhu cầu chuyển đổi số trong đo lường.

- **Chính sách 3:** Điều chỉnh một số hoạt động quản lý nhà nước về đo lường bao gồm hoạt động thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, hàng đóng gói sẵn phù hợp với quy định hiện hành và chính quyền địa phương 2 cấp.

I. Chính sách 1: Chuyển đổi số toàn diện hoạt động đo lường

1. Đánh giá tác động:

1.1. Giải pháp 1:

Quy định trong Luật các nguyên tắc về xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu đo lường; giao Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu quốc gia về đo lường, quy trình cập nhật, kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu; từng bước tích hợp, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Về tính tương thích với điều ước quốc tế, giải pháp này tương thích với điều ước quốc tế có liên quan đến cam kết hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) liên quan đến chính sách tại dự Dự thảo mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Có thể phát sinh yêu cầu về nguồn lực và kinh phí thực thi, bao gồm đầu tư hạ tầng số, đào tạo nhân lực và năng lực quản lý mới, đặc biệt cho xây dựng hệ thống dữ liệu, chứng nhận điện tử và giám sát từ xa; tăng độ phức tạp trong quản lý kỹ thuật, đòi hỏi phải hoàn thiện ngay hướng dẫn thực hiện và các quy trình kỹ thuật để tránh khoảng trống pháp lý.

+ Đối với người dân: Không có.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: có thể làm phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho thiết bị đo thông minh, phần mềm, bảo mật dữ liệu và nâng cấp hệ thống quản lý; gia tăng yêu cầu về năng lực kỹ thuật và an toàn thông tin, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ và vừa, nếu thiếu lộ trình và hỗ trợ phù hợp.

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: Hoàn thiện cơ sở pháp lý để quản lý đo lường trong môi trường số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường; tăng khả năng chuẩn hóa, truy xuất và minh bạch dữ liệu đo, phục vụ quản lý thị trường, bảo vệ người tiêu dùng và quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu; tạo nền tảng pháp lý cho hạ tầng đo lường số, phù hợp thông lệ quốc tế, hỗ trợ hội nhập và giảm rào cản kỹ thuật trong hoạt động đo lường.

+ Đối với người dân: Tăng độ tin cậy và minh bạch của phép đo trong giao dịch và dịch vụ số, đặc biệt đối với các lĩnh vực sử dụng thiết bị đo thông minh hoặc kết nối từ xa (điện, nước, năng lượng, y tế từ xa, thương mại điện tử...); giảm nguy cơ gian lận do can thiệp phần mềm hoặc làm sai lệch dữ liệu đo, do có cơ chế kiểm soát phần mềm đo và truy vết thông tin đo lường, từ đó nâng cao bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và niềm tin xã hội; cải thiện khả năng tiếp cận, tra cứu và giải quyết khiếu nại liên quan đến đo lường khi dữ liệu và chứng chỉ được số hóa, chuẩn hóa và có thể truy xuất.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho đổi mới công nghệ (IoT, phần mềm đo, nền tảng số, hệ thống đo thời gian thực), giúp doanh nghiệp triển khai mô hình sản xuất thông minh, quản trị theo dữ liệu và nâng năng lực cạnh tranh; giảm thời gian và chi phí tuân thủ trong trung và dài hạn nhờ kiểm định/hiệu chuẩn từ xa, chứng chỉ điện tử, quy trình điện tử hóa; giảm chi phí đi lại, chờ đợi và gián đoạn hoạt động; tăng thuận lợi khi tham gia chuỗi cung ứng và thị trường quốc tế do dữ liệu đo được chuẩn hóa, truy xuất được nguồn gốc và phù hợp yêu cầu kỹ thuật, nhất là trong ngành công nghệ cao/công nghệ chiến lược; thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ kỹ thuật số trong đo lường (dịch vụ hiệu chuẩn số, quản lý dữ liệu đo, an ninh phần mềm đo...), tạo động lực nâng cấp năng lực của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

c) Tác động về giới (nếu có): Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.2. Giải pháp 2: Chuyển đổi số từng phần hoạt động đo lường trên cơ sở thí điểm và văn bản dưới luật.

Giải pháp này không tạo được khung pháp lý thống nhất, ổn định và lâu dài cho chuyển đổi số hoạt động đo lường; phạm vi và mức độ chuyển đổi số còn hạn chế, tiếp tục duy trì song song nhiều phương thức quản lý, chưa giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý dựa trên dữ liệu, đánh giá rủi ro trong bối cảnh phát triển kinh tế số.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng không giải quyết được vấn đề bất cập đang xảy ra.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Không hình thành được khung pháp lý thống nhất, ổn định và lâu dài cho chuyển đổi số hoạt động đo lường; tiếp tục duy trì nhiều phương thức quản lý song song, làm giảm hiệu quả quản lý dựa trên dữ liệu và đánh giá rủi ro.

+ Đối với người dân: Mức độ minh bạch và độ tin cậy của hoạt động đo lường được cải thiện không đồng đều giữa các lĩnh vực, địa bàn; lợi ích từ chuyển đổi số chưa được thụ hưởng đầy đủ.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Chi phí tuân thủ giảm không đáng kể do vẫn phải thực hiện song song hồ sơ giấy và điện tử; môi trường pháp lý thiếu ổn định, khó xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Tạo điều kiện linh hoạt triển khai thí điểm, từng bước thích ứng với phương thức quản lý mới; chi phí đầu tư ban đầu thấp, hạn chế rủi ro trong giai đoạn đầu.

+ Đối với người dân, tổ chức: Bước đầu cải thiện sự thuận tiện trong tiếp cận một số dịch vụ đo lường số tại các lĩnh vực, địa bàn thí điểm.

+ Đối với doanh nghiệp bưu chính: Một số doanh nghiệp có cơ hội làm quen với quy trình, công nghệ số trong hoạt động đo lường trước khi triển khai trên diện rộng.

c) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.3. Giải pháp 3:

Giữ nguyên hiện trạng.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng không giải quyết được vấn đề bất cập đang xảy ra.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Thiếu cơ sở pháp lý để quản lý đo lường trong môi trường số, đặc biệt với phương tiện đo có phần mềm, hệ thống đo kết nối thời gian

thực, dịch vụ đo trên nền tảng số; khó triển khai số hóa quy trình thực hiện (kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm từ xa, chứng chỉ điện tử, quản lý dữ liệu tập trung), dẫn tới quản lý kém kịp thời, chi phí quản lý cao và khó giám sát rủi ro theo dữ liệu; giảm khả năng hội nhập và thừa nhận quốc tế đối với kết quả đo/hiệu chuẩn khi hệ thống pháp lý chưa theo kịp thông lệ số hóa.

+ Đối với người dân: Rủi ro sai lệch/gian lận trong các giao dịch số và dịch vụ sử dụng thiết bị đo thông minh tăng lên do thiếu cơ chế kiểm soát phần mềm và dữ liệu đo.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Thiếu hành lang pháp lý rõ ràng để áp dụng công nghệ số (IoT, phần mềm đo, dữ liệu đo điện tử, đo/hiệu chuẩn từ xa), làm chậm đổi mới và tăng chi phí vận hành theo phương thức thủ công; bất lợi cạnh tranh đối với doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp chuyển đổi số nhanh do pháp luật chưa hỗ trợ mô hình đo lường số và dịch vụ số.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có

+ Đối với người dân, tổ chức: Không có.

+ Đối với doanh nghiệp buro chính: Không có.

c) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

2. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1, là giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực hơn, hiệu quả thực thi cao hơn, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý. Lý do:

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; bảo đảm sự thống nhất với các luật có liên quan.

- Tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi phương thức quản lý nhà nước về đo lường từ thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu, nền tảng số và đánh giá rủi ro, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.

- Nâng cao tính minh bạch, thuận tiện, giảm chi phí tuân thủ cho doanh

nghiệp thông qua việc thừa nhận hồ sơ, tem, chứng chỉ đo lường điện tử và quản lý vòng đời phương tiện đo trên môi trường số.

- Khai thác hiệu quả dữ liệu đo lường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, đổi mới sáng tạo và quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

II. Chính sách 2: Nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia; phát huy vai trò doanh nghiệp tham gia xây dựng năng lực hệ thống đo lường quốc gia

1. Đánh giá tác động:

1.1. Giải pháp 1:

- Hoàn thiện các nguyên tắc hoạt động đo lường theo hướng bảo đảm độ tin cậy và niềm tin của xã hội.

- Bổ sung, sửa đổi chính sách của Nhà nước về đo lường theo hướng ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược, lĩnh vực mới và lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn.

- Phân định rõ trách nhiệm quản lý giữa trung ương và địa phương; giảm chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra; ứng dụng dữ liệu đo lường trong quản lý theo mức độ rủi ro.

- Kết hợp biện pháp quản lý nhà nước với cơ chế khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đo lường.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Về tính tương thích với điều ước quốc tế, giải pháp này tương thích với điều ước quốc tế có liên quan đến cam kết hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) liên quan đến chính sách tại dự Dự thảo mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

- + Đối với Nhà nước: Có thể phát sinh yêu cầu về nguồn lực và kinh phí thực thi, bao gồm xây dựng hướng dẫn, tổ chức triển khai, hỗ trợ doanh nghiệp và theo dõi, đánh giá kết quả.

- + Đối với người dân: Không có.

- + Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam:

có thể làm phát sinh chi phí tuân thủ ban đầu (như chi phí xây dựng quy trình, đào tạo nhân lực, đầu tư thiết bị), đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường; tăng chất lượng dữ liệu và năng lực truy xuất, giám sát rủi ro, hỗ trợ quản lý thị trường và bảo vệ người tiêu dùng theo hướng chủ động, phòng ngừa; củng cố vai trò, vị thế cơ quan đo lường quốc gia, tăng khả năng tham gia thỏa thuận, hợp tác quốc tế về đo lường, qua đó hỗ trợ hội nhập và giảm rào cản kỹ thuật trong thương mại.

+ Đối với người dân: Tăng độ chính xác, minh bạch trong mua bán, góp phần bảo đảm công bằng, giảm khiếu nại, tranh chấp liên quan đến đo lường; tăng niềm tin thị trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do doanh nghiệp kiểm soát đo lường tốt hơn, giảm nguy cơ gian lận và sai số gây thiệt hại.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Giảm sai lỗi, hao hụt và chi phí chất lượng, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất - kinh doanh thông qua kiểm soát sai số và ổn định quá trình; giảm rủi ro tranh chấp và tăng uy tín với đối tác, thuận lợi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và truy xuất nguồn gốc, đặc biệt với doanh nghiệp xuất khẩu và ngành công nghệ cao; được tiếp cận cơ chế hỗ trợ và ghi nhận (hỗ trợ tài chính, đánh giá, biểu dương), tạo động lực đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng và năng lực đo lường nội bộ.

c) Tác động về giới (nếu có): Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.2. Giải pháp 2: Tăng cường đầu tư Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đo lường thông qua chương trình, dự án

Giải pháp này chưa tạo được **cơ sở pháp lý ổn định, lâu dài** để huy động nguồn lực xã hội và phát huy vai trò chủ thể của doanh nghiệp trong hệ thống đo lường quốc gia; Phụ thuộc nhiều vào ngân sách và chương trình hành chính, **tính bền vững và lan tỏa hạn chế**; Chưa khắc phục căn bản tình trạng dàn trải, chồng chéo trong quản lý và chưa thúc đẩy mạnh mẽ năng lực tự bảo đảm đo lường của doanh nghiệp.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng không giải quyết được vấn đề bất cập đang xảy ra.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước và các chương trình hành chính, làm gia tăng áp lực bố trí vốn, trong khi chưa hình thành được cơ chế huy động nguồn lực xã hội ổn định, lâu dài; hiệu quả đầu tư và tính lan tỏa còn hạn chế..

+ Đối với người dân: Hiệu quả nâng cao chất lượng đo lường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chưa đồng đều, phụ thuộc vào phạm vi, thời hạn của từng chương trình, dự án; khó bảo đảm tính bền vững lâu dài.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Vai trò chủ thể của doanh nghiệp chưa được xác lập rõ ràng; doanh nghiệp phụ thuộc vào hỗ trợ của Nhà nước, chưa có động lực mạnh để đầu tư xây dựng hệ thống đo lường nội bộ và nâng cao năng lực tự bảo đảm đo lường.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Tạo điều kiện chủ động điều tiết, ưu tiên đầu tư cho một số lĩnh vực, địa bàn trọng điểm trong ngắn hạn thông qua các chương trình, dự án; thuận lợi trong quản lý và kiểm soát nguồn lực

+ Đối với người dân, tổ chức: Góp phần cải thiện từng bước độ chính xác và độ tin cậy của hoạt động đo lường trong một số lĩnh vực, sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên hỗ trợ.

+ Đối với doanh nghiệp bưu chính: Một bộ phận doanh nghiệp được tiếp cận hỗ trợ về kỹ thuật, đào tạo và đầu tư ban đầu, góp phần nâng cao năng lực đo lường trong phạm vi nhất định..

c) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.3. Giải pháp 3:

Giữ nguyên hiện trạng.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng không giải quyết được vấn đề bất cập đang xảy ra.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Thiếu công cụ, chính sách để thúc đẩy doanh nghiệp tự kiểm soát đo lường và nâng cao năng lực cạnh tranh, vai trò của cơ quan đo lường quốc gia không được thể hiện rõ.

+ Đối với người dân: Nguy cơ sai số và gian lận đo lường trong giao dịch cao hơn, làm giảm niềm tin thị trường và hiệu quả bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm liên quan trực tiếp đến đời sống.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: thiếu khung pháp lý và cơ chế khuyến khích đầu tư cho đo lường dẫn đến khả năng khả năng thất thoát và làm giảm năng lực cạnh tranh, nhất là với doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng và thị trường xuất khẩu.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có

+ Đối với người dân, tổ chức: Không có.

+ Đối với doanh nghiệp bưu chính: Không có.

c) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

2. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 1**, là giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực hơn, hiệu quả thực thi cao hơn, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý. Lý do:

- Thể chế hóa đầy đủ vai trò của đo lường là hạ tầng kỹ thuật nền tảng tạo lập độ tin cậy và niềm tin xã hội, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Tạo cơ sở pháp lý để huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cùng Nhà nước đầu tư, vận hành hạ tầng đo lường quốc gia; phát huy vai trò của doanh nghiệp là chủ thể tham gia xây dựng và nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia.

- Định hướng ưu tiên đầu tư, nâng cao năng lực đo lường cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược, lĩnh vực mới và các ngành có tác động lan tỏa lớn, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế số, kinh tế xanh.

- Khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải trong quản lý thông qua phân

định rõ trách nhiệm giữa trung ương và địa phương, kết hợp quản lý nhà nước với ứng dụng dữ liệu đo lường và quản lý theo mức độ rủi ro.

- Góp phần nâng cao năng lực tự bảo đảm đo lường của doanh nghiệp, hỗ trợ kiểm soát chất lượng, phòng ngừa rủi ro và nâng cao trách nhiệm giải trình đối với người tiêu dùng.

III. Chính sách 3: Phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về đo lường và điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với thực tiễn

1. Đánh giá tác động:

1.1. Giải pháp 1:

Sửa đổi, bổ sung các điều có liên quan trong Luật để bảo đảm phân cấp, phân quyền rõ ràng, hiệu quả; bảo đảm thống nhất với pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về thanh tra và các pháp luật có liên quan.

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, hàng đóng gói sẵn để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay tại các điều, khoản sau:

a) Về thanh tra

Sửa đổi khoản 1 Điều 50 vì không còn thanh tra bộ, sở, huyện.

Sửa đổi Điều 51. Đối tượng và nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đo lường:

Sửa đổi khoản 5 Điều 52 vì không còn Thanh tra bộ.

b) Về kiểm tra nhà nước về đo lường

Sửa đổi khoản 3 Điều 46: vì không còn UBND cấp huyện.

c) Lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2

Sửa đổi Điều 34. Yêu cầu về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

d) Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Sửa đổi Điều 25 về điều kiện hoạt động của tổ chức tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Về tính tương thích với điều ước quốc tế, giải pháp này tương thích với điều

ước quốc tế có liên quan đến cam kết hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) liên quan đến chính sách tại dự Dự thảo mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có.

+ Đối với người dân: Không có.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Không có.

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Việc sửa đổi các điều khoản về thanh tra, kiểm tra và thẩm quyền quản lý đo lường khắc phục sự không còn phù hợp của Luật Đo lường hiện hành với Luật Thanh tra năm 2025 và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tránh khoảng trống hoặc xung đột pháp lý khi thực thi; Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực, giảm trùng lặp, chồng chéo; Hiện đại hóa phương thức quản lý nhà nước về đo lường: Việc bổ sung kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm từ xa tạo điều kiện đổi mới phương thức quản lý theo hướng ứng dụng công nghệ, giảm phụ thuộc vào kiểm tra trực tiếp, phù hợp với chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn.

+ Đối với người dân: Tăng hiệu quả bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Việc điều chỉnh yêu cầu về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 và nâng cao hiệu lực kiểm tra giúp hạn chế gian lận đo lường, bảo đảm công bằng trong giao dịch..

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Giảm thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ do cơ chế thanh tra, kiểm tra được điều chỉnh rõ ràng, thống nhất giúp tổ chức, cá nhân tránh tình trạng bị kiểm tra chồng chéo; đồng thời kiểm định/hiệu chuẩn từ xa giúp giảm thời gian, chi phí đi lại và gián đoạn sản xuất – kinh doanh; cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết giúp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

c) Tác động về giới (nếu có): Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.2. Giải pháp 2: Điều chỉnh thẩm quyền và thủ tục chủ yếu thông qua văn bản dưới luật

Giải pháp này không đủ tính pháp lý trong Luật để xử lý căn bản các bất cập hiện nay, thiếu tính ổn định, dễ phát sinh rủi ro pháp lý trong tổ chức thực hiện.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Về tính tương thích với điều ước quốc tế, giải pháp này tương thích với điều ước quốc tế có liên quan đến cam kết hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) liên quan đến chính sách tại dự Dự thảo mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Chưa xử lý triệt để các bất cập mang tính cấu trúc trong phân định thẩm quyền và thanh tra, kiểm tra; khung pháp lý thiếu ổn định, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường.

+ Đối với người dân: Việc bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng thông qua kiểm soát đo lường chưa đồng đều giữa các địa phương; nguy cơ phát sinh khoảng trống quản lý tại cơ sở.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Tiếp tục phải tuân thủ các quy định chưa phù hợp thực tiễn; chi phí tuân thủ giảm không đáng kể; môi trường pháp lý thiếu tính dự báo, ổn định.

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Giảm áp lực sửa đổi Luật trong ngắn hạn; linh hoạt trong tổ chức thực hiện thông qua văn bản dưới luật, chi phí triển khai ban đầu thấp.

+ Đối với người dân: Không gây xáo trộn lớn trong tiếp cận hàng hóa, dịch vụ đo lường trong ngắn hạn; duy trì tương đối ổn định hoạt động quản lý hiện hành.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Ít thay đổi đột ngột về nghĩa vụ pháp lý; thuận lợi trong giai đoạn chuyển tiếp khi mô hình quản lý mới chưa được hoàn thiện.

c) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính

sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.3. Giải pháp 3:

Giữ nguyên hiện trạng.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không đồng bộ với các văn bản mới được ban hành (Luật Thanh tra năm 2025,...) và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phương thức quản lý chậm hiện đại hóa, không có cơ sở pháp lý cho kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm từ xa, làm tăng chi phí quản lý, giảm khả năng bao phủ và phản ứng kịp thời; Nguy cơ “khoảng trống quản lý” tại cơ sở khi không còn cấp huyện nhưng Luật vẫn giao thẩm quyền theo cấp huyện, làm giảm hiệu lực kiểm tra thị trường và xử lý vi phạm đo lường..

+ Đối với người dân: Rủi ro gian lận đo lường và thiệt hại trong giao dịch nếu phương thức quản lý không được thay đổi để đáp ứng với xu hướng phát triển của xã hội.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường tại Việt Nam: Tăng rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ do quy định không rõ cơ quan có thẩm quyền, quy trình kiểm tra thiếu thống nhất giữa các địa phương, ảnh hưởng tính dự báo của môi trường kinh doanh; mất cơ hội giảm chi phí từ các phương thức hiện đại (kiểm định/hiệu chuẩn từ xa, quy trình linh hoạt hơn), đồng thời tiếp tục phụ thuộc nhiều vào thủ tục trực tiếp, tốn thời gian và gây gián đoạn hoạt động..

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có

+ Đối với người dân, tổ chức: Không có.

+ Đối với doanh nghiệp bưu chính: Không có.

c) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục hành chính.

2. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 là giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực hơn, hiệu quả thực thi cao hơn, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý. Lý do:

- Bảo đảm **thể chế hóa đầy đủ và kịp thời** yêu cầu phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; khắc phục triệt để khoảng trống pháp lý phát sinh khi thay đổi tổ chức bộ máy và hệ thống thanh tra.

- Tạo cơ sở pháp lý **thống nhất, ổn định và lâu dài**, bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra và các pháp luật có liên quan.

- Khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải trong quản lý; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản lý dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, loại bỏ các quy định không còn phù hợp (như thủ tục cấp giấy chứng nhận dấu định lượng), qua đó **giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp**.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong hồ sơ chính sách Luật Bru chính (thay thế), Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp.
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Công TTĐT Bộ KHCN (để đăng tải);
- Lưu: VT, BC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng